

Bản án số: 24/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 11/3/2021

V/v ly hôn giữa chị T và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông: Đinh Minh Tăng, ông: Nguyễn Thanh Toàn

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: không.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/HNGĐ – TLST ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1995

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn T, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: kiệt 1*, ngõ 8*, đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

2. Bị đơn: anh Đinh Xuân N; sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn Tân T, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2020 và trong bản tự khai cũng như tại quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- về hôn nhân: chị T và anh N kết hôn năm 2014 tại UBND xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì có mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh N có quan hệ ngoài luồng với người đàn bà khác, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh N.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/5/2017, hiện tại con đang ở với chị T, nguyện vọng của chị T là xin được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đ.

Chị N là lao động tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đ.

- tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án anh Đinh Xuân N trình bày:

- về hôn nhân: anh và chị T có kết hôn và chung sống đúng như lời trình bày của chị T, hai vợ chồng ly thân từ đầu tháng 3/2020, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh N cũng ý ly hôn như ý kiến của chị T.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/5/2017, trước đây con ở với anh N, thời gian sau đang ở với chị T, nguyện vọng của anh N là xin được nuôi con và không cần chị T cấp dưỡng nuôi con.

Anh N là nhân viên tiếp thị, thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đ.

- tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, mong Tòa án giải quyết cho ly hôn, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Anh N đồng ý ly hôn, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Anh N: sau khi mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra, chị T đã bỏ nhà trọ ra đi không về để chăm sóc con, anh N đã đăng ký Trường học để cháu đi học, có thể anh không chăm sóc con được như người khác nhưng vẫn làm tốt được việc này. Đề nghị Tòa án giao con cho anh N nuôi vì anh có đủ điều kiện nuôi con và đảm bảo cuộc sống đầy đủ cho con.

Chị T: anh N nói chị bỏ nhà trọ ra đi là không đúng, do không mâu thuẫn quá trầm trọng nên chị không thể sống chung với anh N được, anh N đã đưa cháu N lên cho nhà ông bà Nội ở xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa để chăm sóc chứ không phải anh trực tiếp chăm sóc con, chị T chỉ không thăm nom con được trong thời gian ngắn do thời điểm đó là dịch Covid tháng 3/2020, chính quyền cấm đi lại. Trong thời gian anh N nuôi dưỡng con đã chăm sóc con không cần thận làm cho con bị gãy tay, con nóng sốt liên tục cũng không báo cho chị biết, cách đây mấy tháng anh N có đến thăm cháu nhưng cháu N đã trốn không muốn gặp anh N. Với những lý do trên mong Tòa án xem xét cho chị T được nuôi con chung với lại hiện tại con đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, chị T có đủ điều kiện nuôi con và đảm bảo cuộc sống đầy đủ cho con. Nếu sau này cháu lớn muốn ở với bố thì anh N có quyền khởi kiện để thay đổi người trực tiếp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị T yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh N, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại thôn T, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh N kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị T: vợ chồng chị T và anh N không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đầu tháng 3/2020. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có 01 con chung cháu Đinh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/5/2017. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu N hiện còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ để phát triển toàn diện, chị T cũng có nguyện vọng tha thiết xin được trực tiếp nuôi dưỡng con xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Tòa không xét.

[6]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Xuân N.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Đinh Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/5/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đinh Xuân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên Tòa không xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004381 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Án phí cấp dưỡng định kỳ: anh Đinh Xuân N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/3/2021).

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Liên Thủy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ